



**Công ty Cổ phần PinẮc quy Miền Nam**

Báo cáo tài chính giữa niên độ  
cho giai đoạn sáu tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2015

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy Chứng nhận Đăng ký  
Kinh doanh số**

4103002690

ngày 23 tháng 9 năm 2004

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300405462 (điều chỉnh lần thứ 12) ngày 26 tháng 8 năm 2013. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

**Hội đồng Quản trị**

Ông Lâm Thái Dương

Chủ tịch

(từ ngày 13 tháng 4 năm 2015)

Ông Trần Thanh Văn

Chủ tịch

(đến ngày 13 tháng 4 năm 2015)

Bà Phạm Kiều Diễm

Thành viên

Ông Ngô Đình Luyện

Thành viên

Ông Cao Trọng Miên

Thành viên

**Ban Kiểm soát**

Ông Tạ Duy Linh

Trưởng Ban Kiểm soát

Ông Vũ Nhất Tâm

Thành viên

Bà Võ Thị Cẩm Hồng

Thành viên

**Ban Giám đốc**

Ông Trần Thanh Văn

Tổng Giám đốc

Ông Lê Văn Năm

Phó Tổng Giám đốc

(từ ngày 12 tháng 5 năm 2015)

Bà Nguyễn Bảo Hạnh

Phó Tổng Giám đốc

(đến ngày 30 tháng 4 năm 2015)

**Trụ sở đăng ký**

321 Trần Hưng Đạo  
Phường Cô Giang, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh  
Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam



**Công ty Cổ phần Pin Ấc quy Miền Nam**  
**Báo cáo của Ban Giám đốc**

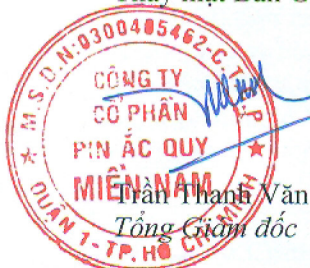
Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Pin Ấc quy Miền Nam (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày từ trang 4 đến trang 41 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ này.

Thay mặt Ban Giám đốc



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 8 năm 2015





**KPMG Limited Branch**  
10<sup>th</sup> Floor, Sun Wah Tower  
115 Nguyen Hue Street  
District 1, Ho Chi Minh City  
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (8) 3821 9266  
Fax +84 (8) 3821 9267  
Internet www.kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi các Cổ đông  
Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 10 tháng 8 năm 2015, được trình bày từ trang 4 đến 41. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ này là trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo soát xét về báo cáo tài chính giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công tác soát xét để có được sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính giữa niên độ không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính. Công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng, báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ, các quy định có liên quan của Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh**  
Việt Nam

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số: 4114000230

Báo cáo soát xét số: 14-01-257



Hà Vũ Định  
Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 0414-2013-007-1  
Phó Tổng Giám đốc

Đặng Trung Hoàn  
Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 2235-2013-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 8 năm 2015



**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2015**

Mẫu B 01a – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>913.679.027.162</b>	<b>839.740.339.216</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>6</b>	<b>184.671.930.976</b>	<b>200.636.882.571</b>
Tiền	111		139.671.930.976	160.636.882.571
Các khoản tương đương tiền	112		45.000.000.000	40.000.000.000
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>160.000.000.000</b>	<b>145.000.000.000</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	7	160.000.000.000	145.000.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>119.769.265.268</b>	<b>61.381.972.363</b>
Phải thu của khách hàng	131	8	112.787.483.324	52.373.840.212
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		4.651.434.206	5.821.567.338
Phải thu ngắn hạn khác	136	9	5.051.134.396	5.164.971.757
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(2.780.883.510)	(2.041.490.118)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		60.096.852	63.083.174
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>11</b>	<b>433.792.619.801</b>	<b>421.031.292.994</b>
Hàng tồn kho	141		445.704.335.732	424.239.967.169
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(11.911.715.931)	(3.208.674.175)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>15.445.211.117</b>	<b>11.690.191.288</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		7.610.015.444	3.027.173.889
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		5.110.495.908	5.705.023.706
Tài sản ngắn hạn khác	155		2.724.699.765	2.957.993.693
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 220 + 240 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>392.753.308.395</b>	<b>411.949.672.904</b>
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>341.819.288.589</b>	<b>364.494.340.121</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	12	310.296.256.787	333.229.376.890
Nguyên giá	222		714.696.999.161	711.809.189.486
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(404.400.742.374)	(378.579.812.596)
Tài sản cố định vô hình	227	13	31.523.031.802	31.264.963.231
Nguyên giá	228		57.251.346.048	55.780.846.048
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(25.728.314.246)	(24.515.882.817)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>5.145.792.791</b>	<b>5.634.772.664</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	242	14	5.145.792.791	5.634.772.664
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>3.600.000.000</b>	<b>3.600.000.000</b>
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	15	3.600.000.000	3.600.000.000
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>42.188.227.015</b>	<b>38.220.560.119</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	16	4.040.265.441	6.544.748.557
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	17	10.808.930.775	4.024.530.683
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		27.148.630.799	27.460.880.879
Tài sản dài hạn khác	268		190.400.000	190.400.000
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>1.306.432.335.557</b>	<b>1.251.690.012.120</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này



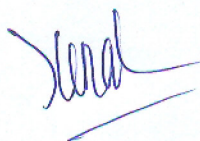
**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

Mẫu B 01a – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>787.596.405.491</b>	<b>740.238.412.342</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>783.473.405.491</b>	<b>736.115.412.342</b>
Phải trả người bán	311	18	118.002.737.090	95.569.286.119
Người mua trả tiền trước	312		3.123.839.712	7.675.620.874
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	19	28.897.276.329	18.507.028.249
Phải trả người lao động	314		74.443.920.479	79.028.472.138
Chi phí phải trả	315	20	73.188.901.657	34.404.052.268
Phải trả ngắn hạn khác	319	21	21.580.225.768	1.080.124.549
Vay ngắn hạn	320	22	454.545.470.651	487.353.040.594
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	23	6.037.564.002	6.908.915.025
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.653.469.803	5.588.872.526
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>4.123.000.000</b>	<b>4.123.000.000</b>
Phải trả dài hạn khác	337		4.123.000.000	4.123.000.000
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>518.835.930.066</b>	<b>511.451.599.778</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>24</b>	<b>518.835.930.066</b>	<b>511.451.599.778</b>
Vốn cổ phần	411	25	309.812.930.000	269.878.430.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		62.295.088.755	62.295.088.755
Cổ phiếu quỹ	415	25	(14.419.110.657)	(14.419.110.657)
Quỹ đầu tư phát triển	418	27	84.681.949.730	84.681.949.730
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		76.465.072.238	109.015.241.950
- LNST chưa phân phối đến cuối kỳ trước	421a		109.015.241.950	103.482.528.318
- LNST chưa phân phối kỳ/năm này	421b		47.321.893.695	74.408.588.711
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>1.306.432.335.557</b>	<b>1.251.690.012.120</b>

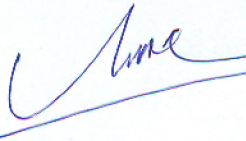
Ngày 10 tháng 8 năm 2015

Người lập:

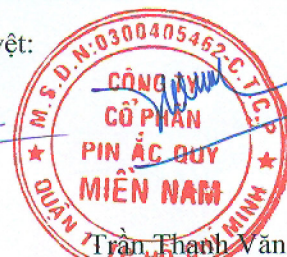


Nguyễn Thị Ngọc Ánh  
 Phó phòng Kế toán – Tài chính

Người duyệt:



Nguyễn Duy Hưng  
 Kế toán trưởng



Trần Thanh Văn  
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này



**Công ty Cổ phần Pin Ấc quy Miền Nam**

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015**

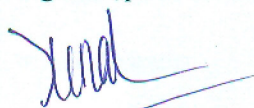
Mẫu B 02a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Mã số	Thuyết minh	1/1/2015 đến 30/6/2015 VND	1/1/2014 đến 30/6/2014 VND
01	29	1.126.843.683.209	950.016.986.158
02		34.414.602.890	24.698.464
10	10 = 01 - 02	1.092.429.080.319	949.992.287.694
11		874.321.058.434	777.231.764.271
20	20 = 10 - 11	218.108.021.885	172.760.523.423
21	30	7.972.215.328	10.591.244.244
22	31	15.081.397.572	16.648.534.875
23	Trong đó: Chi phí lãi vay	3.827.915.485	9.709.133.909
25		129.872.737.319	107.523.827.675
26		19.462.187.123	16.052.124.933
30	30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)	61.663.915.199	43.127.280.184
31	32	1.225.112.899	522.393.787
32		106.791.928	318.671.575
40	40 = 31 - 32	1.118.320.971	203.722.212
50	50 = 30 + 40	62.782.236.170	43.331.002.396
51	33	22.244.742.567	9.360.345.660
52	33	(6.784.400.092)	529.976.917
60	60 = 50 - 51 - 52	47.321.893.695	33.440.679.819
70	35	1.546	1.092

Ngày 10 tháng 8 năm 2015

Người lập:

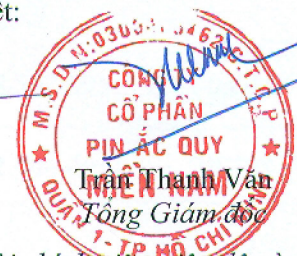


Nguyễn Thị Ngọc Ánh  
Phó phòng Kế toán – Tài chính

Người duyệt:



Nguyễn Duy Hưng  
Kế toán trưởng



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này



**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015  
(Phương pháp gián tiếp)**

Mẫu B 03a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	1/1/2015 đến 30/6/2015 VND	1/1/2014 đến 30/6/2014 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>62.782.236.170</b>	<b>43.331.002.396</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao và phân bổ	02		32.541.294.000	31.471.276.059
Các khoản dự phòng	03		8.571.084.125	(3.001.941.153)
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		2.706.916.749	3.635.147.614
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	05		(562.417.140)	-
Thu nhập lãi tiền gửi	05		(6.641.419.562)	(10.004.290.489)
Chi phí lãi vay	06		3.827.915.485	9.709.133.909
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>103.225.609.827</b>	<b>75.140.328.336</b>
Biến động các khoản phải thu	09		(55.348.953.595)	(12.821.917.890)
Biến động hàng tồn kho	10		(21.152.118.483)	(6.613.884.450)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		50.061.291.080	(188.034.164.903)
Biến động chi phí trả trước	12		(2.072.296.508)	(8.137.353.493)
			<b>74.713.532.321</b>	<b>(140.466.992.400)</b>
Tiền lãi vay đã trả	14		(3.891.824.278)	(9.749.144.749)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(13.674.534.873)	(13.431.462.051)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(1.935.402.723)	(4.473.018.067)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>55.211.770.447</b>	<b>(168.120.617.267)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua sắm tài sản cố định	21		(9.383.324.526)	(17.695.785.199)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		562.417.140	-
Tiền chi đầu tư vào tiền gửi ngân hàng	25		(15.000.000.000)	-
Tiền thu hồi đầu tư từ tiền gửi ngân hàng	26		-	50.500.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi	27		7.278.502.895	6.604.685.225
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(16.542.404.491)</b>	<b>39.408.900.026</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này



**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015  
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

Mẫu B 03a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	1/1/2015 đến 30/6/2015 VND	1/1/2014 đến 30/6/2014 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền thu từ đi vay	33		703.922.523.480	719.539.973.169
Tiền trả nợ gốc vay	34		(739.547.813.219)	(569.213.628.669)
Tiền trả cổ tức	36		(19.146.899.207)	(31.950.037.200)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(54.772.188.946)</b>	<b>118.376.307.300</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>(16.102.822.990)</b>	<b>(10.335.409.941)</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		200.636.882.571	199.966.907.621
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		137.871.395	(201.126.912)
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>	<b>6</b>	<b>184.671.930.976</b>	<b>189.430.370.768</b>

Ngày 10 tháng 8 năm 2015

Người lập:

Nguyễn Thị Ngọc Ánh  
Phó phòng Kế toán – Tài chính

Người duyệt:

Nguyễn Duy Hưng  
Kế toán trưởng



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này



## **Công ty Cổ phần Pin Ấc quy Miền Nam**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

#### **1. Đơn vị báo cáo**

**(a) Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Pin Ấc quy Miền Nam (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

**(b) Hoạt động chính**

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và phân phối pin và ắc quy.

**(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

**(d) Cấu trúc Công ty**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty có 1.081 nhân viên (1/1/2015: 1.096 nhân viên).

#### **2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

**(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam – Báo cáo tài chính giữa niên độ, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

**(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

**(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.



## **Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

### **3. Áp dụng Hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp mới ban hành**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp (“Thông tư 200”). Thông tư 200 thay thế cho quy định về Chế độ Kế toán Doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 có hiệu lực từ ngày 5 tháng 2 năm 2015 và áp dụng cho kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, Công ty đã áp dụng phi hồi tố các quy định của Thông tư 200. Những thay đổi quan trọng trong chính sách kế toán của Công ty và các ảnh hưởng đến báo cáo tài chính của Công ty, nêu có, được trình bày trong các thuyết minh báo cáo tài chính sau đây.

- Ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái (thuyết minh 4(a));
- Lãi trên cổ phiếu (thuyết minh 4(q)).

### **4. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.

#### **(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá thực tế áp dụng cho các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi góp vốn hoặc nhận vốn góp là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn góp tại ngày góp vốn.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty nhận tiền từ khách hàng hoặc đối tác.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty dự kiến thanh toán khoản phải trả đó.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí thanh toán ngay bằng ngoại tệ, tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng nơi Công ty thực hiện thanh toán.



## **Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính được xác định như sau:

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là tài sản (tiền mặt và phải thu): dùng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của chính ngân hàng nơi Công ty gửi tiền hoặc mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với vàng tiền tệ: dùng giá mua vàng của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, hoặc trong trường hợp không có giá mua của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thì áp dụng giá mua vàng của đơn vị được phép kinh doanh vàng theo luật định.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là nợ phải trả (các khoản phải trả và các khoản vay): dùng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### **(b) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

#### **(c) Các khoản đầu tư**

##### ***Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác***

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

#### **(d) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

## **Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

#### **(e) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

#### **(f) Tài sản cố định hữu hình**

##### **(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

##### **(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

• Nhà cửa và vật kiến trúc	5 – 25 năm
• Máy móc và thiết bị	3 – 12 năm
• Phương tiện vận chuyển	6 – 10 năm
• Dụng cụ văn phòng	2 – 5 năm
• Khác	5 – 8 năm

#### **(g) Tài sản cố định vô hình**

##### **(i) Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm.



**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(ii) Phần mềm vi tính**

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 5 năm.

**(iii) Tài sản khác**

Nguyên giá của tài sản vô hình khác bao gồm giá mua của phí chuyển giao công nghệ và phí tư vấn quản trị nhân sự được vốn hóa và hạch toán là tài sản vô hình. Nguyên giá của tài sản vô hình khác được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 5 năm.

**(h) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**(i) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 5 năm.

**(ii) Chi phí khác**

Chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm chi phí quảng cáo và các chi phí khác phát sinh nhằm phục vụ cho hoạt động bán hàng của Công ty. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 năm.

**(j) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

**(k) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả cho nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

## **Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

#### **(i) Chi phí bảo hành**

Khoản dự phòng về chi phí bảo hành liên quan chủ yếu tới hàng hóa đã bán ra và dịch vụ đã cung cấp trong kỳ kế toán. Khoản dự phòng được lập dựa trên ước tính xuất phát từ các dữ liệu thống kê lịch sử về chi phí bảo hành đã phát sinh liên quan tới các sản phẩm và dịch vụ tương tự.

#### **(ii) Dự phòng trợ cấp thôi việc**

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Công ty.

Theo Luật Bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Công ty không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2015 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

Ngày 24 tháng 10 năm 2012, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 180/2012/TT-BTC, yêu cầu tất cả các khoản dự phòng trợ cấp thôi việc đều được hoàn nhập. Công ty đã thực hiện theo Thông tư 180 và đã hoàn nhập tất cả dự phòng trợ cấp thôi việc vào thu nhập trong năm 2012.

#### **(I) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.



**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(m) Quỹ khen thưởng phúc lợi**

Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế vào mỗi kỳ theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được dành riêng để chi trả tiền thưởng và các phúc lợi khác cho nhân viên Công ty.

**(n) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

**(ii) Doanh thu từ tiền lãi**

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(o) Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

**(p) Chi phí vay**

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

**(q) Lãi trên cổ phiếu**

Công ty trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Công ty không có cổ phiếu suy giảm giá trị tiềm ẩn.

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2015, lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty được xác định bởi số trước khi phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi, nếu có. Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty được xác định sau khi trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi. Thay đổi chính sách kế toán này được áp dụng phi hồi tố.

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(r) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Theo ý kiến của Ban Giám đốc, Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất và kinh doanh pin và ắc quy.

**(s) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.



**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**5. Báo cáo bộ phận**

**Bộ phận chia theo vùng địa lý**

	<b>Trong nước</b>		<b>Xuất khẩu</b>		<b>Tổng</b>	
	<b>1/1/2015 đến 30/6/2015 VND</b>	<b>1/1/2014 đến 30/6/2014 VND</b>	<b>1/1/2015 đến 30/6/2015 VND</b>	<b>1/1/2014 đến 30/6/2014 VND</b>	<b>1/1/2015 đến 30/6/2015 VND</b>	<b>1/1/2014 đến 30/6/2014 VND</b>
Doanh thu bán ra bên ngoài	884.246.259.023	752.296.026.313	208.182.821.296	197.696.261.381	1.092.429.080.319	949.992.287.694
Chi tiêu vốn	9.383.324.526	17.695.785.199	-	-	9.383.324.526	17.695.785.199
	<b>30/6/2015 VND</b>	<b>1/1/2015 VND</b>	<b>30/6/2015 VND</b>	<b>1/1/2015 VND</b>	<b>30/6/2015 VND</b>	<b>1/1/2015 VND</b>
Tài sản của bộ phận	1.306.432.335.557	1.251.690.012.120	-	-	1.306.432.335.557	1.251.690.012.120

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***6. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>30/6/2015</b>	<b>1/1/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	1.215.824.312	740.367.151
Tiền gửi ngân hàng	138.456.106.664	159.896.515.420
Các khoản tương đương tiền	45.000.000.000	40.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
	184.671.930.976	200.636.882.571
	<hr/>	<hr/>

Các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng ngắn hạn có thời gian đáo hạn dưới ba tháng từ ngày giao dịch và hưởng lãi suất năm là 7% (2014: 5,2%).

**7. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng có thời gian đáo hạn trên ba tháng nhưng dưới một năm từ ngày giao dịch và hưởng lãi suất năm dao động từ 6,2% đến 7% (2014: 6,2% đến 7,8%).

**8. Phải thu của khách hàng****Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn**

	<b>30/6/2015</b>	<b>1/1/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chea Ly Veng	19.191.471.613	8.923.978.361
Chiek Leng Tires Battery PTE, LTD	6.872.722.996	5.003.098.437
Công ty TNHH MTV Sản xuất và Lắp Ráp Ô tô tải Chu Lai – Trường Hải	6.574.751.700	6.084.739.100
Faith Chemical Enterprises	5.520.997.608	4.543.392.263
Công ty TNHH MTV Thương mại Thạnh Quyên Linh	4.528.547.941	5.691.863.760
Các khách hàng khác	70.098.991.466	22.126.768.291
	<hr/>	<hr/>
	112.787.483.324	52.373.840.212
	<hr/>	<hr/>

**9. Phải thu khác**

	<b>30/6/2015</b>	<b>1/1/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi tiền gửi ngân hàng phải thu	4.509.166.667	5.146.250.000
Phải thu khác	541.967.729	18.721.757
	<hr/>	<hr/>
	5.051.134.396	5.164.971.757
	<hr/>	<hr/>



**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**10. Nợ xấu và nợ khó đòi**

	Số ngày quá hạn	30/6/2015			Số ngày quá hạn	31/12/2014		
		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
<b>Nợ quá hạn</b>								
Faith Chemical Enterprises	Từ 180 đến 365 ngày	5.520.997.608	681.552.392	4.839.445.216	180 ngày	4.543.392.263	-	4.543.392.263
Doanh nghiệp tư nhân Mỹ Phương	Từ 2 đến 3 năm	1.361.678.197	1.361.678.197	-	Từ 2 đến 3 năm	1.361.678.197	1.361.678.197	-
Hợp tác xã Dịch vụ và Thương mại Hợp Lực Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Hải Phương Công ty Cổ Phần Việt Nam Motors Cần Thơ	Từ 2 đến 3 năm	256.132.002	256.132.002	-	Từ 2 đến 3 năm	256.132.002	256.132.002	-
Khác	Từ 2 đến 3 năm	151.677.800	81.648.460	70.029.340	Từ 2 đến 3 năm	161.677.800	81.648.460	80.029.340
	Trên 3 năm	114.952.000	114.952.000	-	Trên 3 năm	114.952.000	114.952.000	-
	Trên 3 năm	410.591.993	284.920.459	125.671.534	Trên 3 năm	516.968.993	227.079.459	289.889.534
		<u>7.816.029.600</u>	<u>2.780.883.510</u>	<u>5.035.146.090</u>		<u>6.954.801.255</u>	<u>2.041.490.118</u>	<u>4.913.311.137</u>

*Trong đó:*

Dự phòng phải thu khó đòi – ngắn hạn

2.780.883.510

2.041.490.118

Ban Giám đốc Công ty tin rằng dự phòng phải thu khó đòi là phù hợp. Các khoản phải thu quá hạn khác có thể thu hồi được.

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***11. Hàng tồn kho**

	<b>30/6/2015</b>		<b>1/1/2015</b>	
	<b>Giá gốc VND</b>	<b>Dự phòng VND</b>	<b>Giá gốc VND</b>	<b>Dự phòng VND</b>
Nguyên vật liệu	139.787.730.277	-	159.784.651.608	-
Thành phẩm	106.516.969.561	(2.517.361.288)	111.363.428.772	(1.805.036.889)
Sản phẩm dở dang	94.706.170.899	-	96.061.594.692	-
Hàng mua đang đi trên đường	92.028.867.215	-	40.421.769.898	-
Công cụ và dụng cụ	12.288.002.944	(9.394.354.643)	16.450.558.153	(1.403.637.286)
Hàng gửi đi bán	282.270.140	-	-	-
Hàng hóa	94.324.696	-	157.964.046	-
	<b>445.704.335.732</b>	<b>(11.911.715.931)</b>	<b>424.239.967.169</b>	<b>(3.208.674.175)</b>

Biến động trong kỳ của dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	<b>1/1/2015 đến 30/6/2015 VND</b>	<b>1/1/2014 đến 30/6/2014 VND</b>
Số dư đầu kỳ	3.208.674.175	5.522.386.663
Tăng dự phòng trong kỳ	8.703.041.756	1.686.600.984
Hoàn nhập dự phòng	-	(2.655.235.484)
Số dư cuối kỳ	<b>11.911.715.931</b>	<b>4.553.752.163</b>

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho bao gồm giá trị giảm giá của thành phẩm và chậm luân chuyển của công cụ và dụng cụ.

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***12. Tài sản cố định hữu hình**

	<b>Nhà cửa và vật kiến trúc VND</b>	<b>Máy móc và thiết bị VND</b>	<b>Phương tiện vận chuyển VND</b>	<b>Dụng cụ văn phòng VND</b>	<b>Khác VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu kỳ	131.429.785.375	549.701.123.972	20.746.648.145	8.650.726.694	1.280.905.300	711.809.189.486
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	1.775.114.018	3.949.658.017	2.677.032.364	-	-	8.401.804.399
Thanh lý	(37.001.184)	(4.139.764.958)	(906.772.000)	(118.067.600)	-	(5.201.605.742)
Xóa sổ	(196.515.190)	(36.029.750)	-	-	-	(232.544.940)
Phân loại lại theo yêu cầu của Kiểm toán Nhà nước	-	-	(22.727.273)	(57.116.769)	-	(79.844.042)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>132.971.383.019</b>	<b>549.474.987.281</b>	<b>22.494.181.236</b>	<b>8.475.542.325</b>	<b>1.280.905.300</b>	<b>714.696.999.161</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu kỳ	51.657.672.283	305.840.839.807	12.904.654.198	7.441.621.501	735.024.807	378.579.812.596
Khấu hao trong kỳ	4.261.490.891	25.549.413.970	971.267.360	436.310.817	110.379.533	31.328.862.571
Thanh lý	(37.001.184)	(4.139.764.958)	(906.772.000)	(118.067.600)	-	(5.201.605.742)
Xóa sổ	(196.515.190)	(36.029.750)	-	-	-	(232.544.940)
Phân loại lại theo yêu cầu của Kiểm toán Nhà nước	-	-	(22.727.273)	(51.054.838)	-	(73.782.111)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>55.685.646.800</b>	<b>327.214.459.069</b>	<b>12.946.422.285</b>	<b>7.708.809.880</b>	<b>845.404.340</b>	<b>404.400.742.374</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số dư đầu kỳ	79.772.113.092	243.860.284.165	7.841.993.947	1.209.105.193	545.880.493	333.229.376.890
Số dư cuối kỳ	77.285.736.219	222.260.528.212	9.547.758.951	766.732.445	435.500.960	310.296.256.787

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản với nguyên giá là 168.622 triệu VND đã khấu hao hết đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 (ngày 31 tháng 12 năm 2014: 157.045 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.



**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***13. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Quyền sử dụng đất VND</b>	<b>Phần mềm vi tính VND</b>	<b>Tài sản khác VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư đầu kỳ	47.293.702.056	5.055.248.004	3.431.895.988	55.780.846.048
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	-	1.470.500.000	1.470.500.000
Số dư cuối kỳ	47.293.702.056	5.055.248.004	4.902.395.988	57.251.346.048
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu kỳ	20.158.018.795	3.671.484.825	686.379.197	24.515.882.817
Khấu hao trong kỳ	271.680.439	359.864.131	580.886.859	1.212.431.429
Số dư cuối kỳ	20.429.699.234	4.031.348.956	1.267.266.056	25.728.314.246
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số dư đầu kỳ	27.135.683.261	1.383.763.179	2.745.516.791	31.264.963.231
Số dư cuối kỳ	26.864.002.822	1.023.899.048	3.635.129.932	31.523.031.802

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá là 25.097 triệu VND đã khấu hao hết đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 (ngày 31 tháng 12 năm 2014: 25.097 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30**  
**tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**14. Xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>1/1/2015 đến 30/6/2015 VND</b>	<b>1/1/2014 đến 30/6/2014 VND</b>
Số dư đầu kỳ	5.634.772.664	13.375.490.473
Tăng trong kỳ	9.383.324.526	17.695.785.199
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(8.401.804.399)	(24.241.289.433)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(1.470.500.000)	-
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	5.145.792.791	6.829.986.239

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	<b>30/6/2015 VND</b>	<b>1/1/2015 VND</b>
Chi phí trả trước cho máy móc và thiết bị	1.149.313.072	1.082.733.766
Khác	3.996.479.719	4.552.038.898
	<hr/>	<hr/>
	5.145.792.791	5.634.772.664

**15. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác bao gồm khoản đầu tư vốn chủ sở hữu vào Công ty TNHH Đầu tư Kinh Doanh Bất động sản Việt Gia Phú, chi tiết như sau:

<b>Đơn vị</b>	<b>Hoạt động chính</b>	<b>Giấy phép đầu tư</b>	<b>Phần trăm sở hữu thực tế</b>
Công ty TNHH Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Việt Gia Phú	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất và bán nguyên vật liệu, thiết bị được sử dụng trong xây dựng.	Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0310500637 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh ban hành lần đầu vào ngày 6 tháng 12 năm 2010 và lần sửa đổi gần nhất là vào ngày 29 tháng 4 năm 2014.	2,25%

Trước ngày 29 tháng 4 năm 2014, Công ty sở hữu 60% vốn của Công ty TNHH Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Việt Gia Phú (“VGP”). Vào ngày 29 tháng 4 năm 2014, VGP tăng vốn từ 6 tỷ VND lên đến 160 tỷ VND và Công ty đã không tham gia lần tăng vốn này. Theo đó, VGP không còn là một công ty con của Công ty do tỷ lệ sở hữu của Công ty giảm từ 60% xuống 2,25%.

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***16. Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>Công cụ và dụng cụ VND</b>	<b>Chi phí khác VND</b>	<b>Tổng VND</b>
Số dư đầu kỳ	6.534.609.554	10.139.003	6.544.748.557
Tăng trong kỳ	620.950.693	586.402.932	1.207.353.625
Phân bổ trong kỳ	(3.470.435.275)	(241.401.466)	(3.711.836.741)
Số dư cuối kỳ	3.685.124.972	355.140.469	4.040.265.441

**17. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trên các khoản mục sau:

	<b>30/6/2015 VND</b>	<b>1/1/2015 VND</b>
Chi phí phải trả	6.830.733.361	1.774.528.218
Dự phòng bảo hành	1.328.264.080	1.519.961.306
Dự phòng phải thu khó đòi	29.355.829	24.132.840
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	2.620.577.505	705.908.319
	10.808.930.775	4.024.530.683



**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***18. Phải trả người bán ngắn hạn****(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn**

	30/6/2015		1/1/2015	
	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty TNHH Thye Ming Việt Nam	31.040.423.200	31.040.423.200	20.915.954.513	20.915.954.513
Công ty TNHH Luyện Kim Thăng Long	14.265.533.547	14.265.533.547	1.390.615.490	1.390.615.490
Thai United Industry Company Limited	11.542.641.801	11.542.641.801	6.515.346.510	6.515.346.510
Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú – Chi nhánh tại TP. HCM	9.305.124.361	9.305.124.361	4.941.856.948	4.941.856.948
Khác	51.849.014.181	51.849.014.181	61.805.512.658	61.805.512.658
	118.002.737.090	118.002.737.090	95.569.286.119	95.569.286.119

**(b) Phải trả người bán là các bên liên quan**

	30/6/2015		1/1/2015	
	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND
Nhà máy Hóa chất Biên Hòa	2.109.400.260	2.109.400.260	2.034.886.080	2.034.886.080
Xí nghiệp Hơi Kỹ Nghệ Que Hàn Bình Dương	14.124.000	14.124.000	16.893.800	16.893.800
Xí nghiệp Hơi Kỹ Nghệ Biên Hòa	11.642.950	11.642.950	2.395.800	2.395.800
	2.135.167.210	2.135.167.210	2.054.175.680	2.054.175.680

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30**  
**tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**19. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<b>1/1/2015</b> <b>VND</b>	<b>Số phải nộp</b> <b>trong năm</b> <b>VND</b>	<b>Số đã nộp</b> <b>trong năm</b> <b>VND</b>	<b>30/6/2015</b> <b>VND</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.529.330.583	22.244.742.567	(13.674.534.873)	12.099.538.277
Thuế thu nhập cá nhân	474.075.072	1.864.582.339	(1.772.256.289)	566.401.122
Thuế giá trị gia tăng	671.700.114	6.188.148.259	(6.418.945.912)	440.902.461
Phí thuê đất và các loại thuế khác	13.831.922.480	6.755.367.430	(4.796.855.441)	15.790.434.469
	<b>18.507.028.249</b>	<b>37.052.840.595</b>	<b>(26.662.592.515)</b>	<b>28.897.276.329</b>

**20. Chi phí phải trả**

	<b>30/6/2015</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2015</b> <b>VND</b>
Hoa hồng phải trả đại lý	47.366.057.537	29.767.223.959
Chi phí tiếp thị và quảng cáo	17.641.096.733	-
Phí bảo trì	2.867.184.236	-
Phí vận chuyển	1.871.937.244	3.671.000.000
Phí bảo hiểm	1.320.218.483	-
Chi phí lãi vay	312.407.424	376.316.217
Chi phí phải trả khác	1.810.000.000	589.512.092
	<b>73.188.901.657</b>	<b>34.404.052.268</b>

**21. Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>30/6/2015</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2015</b> <b>VND</b>
Cổ tức phải trả	20.790.664.200	-
Kinh phí công đoàn	440.311.080	903.096.200
Bảo hiểm xã hội	230.189.061	118.010.653
Phải trả khác	119.061.427	59.017.696
	<b>21.580.225.768</b>	<b>1.080.124.549</b>

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***22. Vay ngắn hạn**

	1/1/2015		Biến động trong kỳ		30/6/2015	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	487.353.040.594	487.353.040.594	706.740.243.276	(739.547.813.219)	454.545.470.651	454.545.470.651

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất (năm)	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND
Ngân hàng Thương mại Chinatrust Việt Nam – Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh	USD	1,8%	1.850.284.800	64.330.452.147
Ngân hàng TNHH HSBC (Việt Nam)	USD	1,5% - 1,6%	93.917.992.677	135.312.202.369
Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam (Vietcombank)	USD	1,5% - 1,8%	254.281.931.467	152.761.504.345
Ngân hàng Thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam	USD	1,5%	65.593.535.716	59.637.713.160
Ngân hàng TNHH MTV ANZ (Việt Nam)	USD	1,4%	8.214.321.679	-
Ngân hàng thương mại cổ phần Quân đội	USD	1,6%	30.687.404.312	-
Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam (Viettin Bank) (*)	VND	2,2% - 2,8%	-	49.687.568.573
Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu (*)	VND	3,5%	-	25.623.600.000
			454.545.470.651	487.353.040.594



**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30**  
**tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Tất cả các khoản vay ngắn hạn ngân hàng không có đảm bảo bằng tài sản.

- (\*) Các khoản vay ngắn hạn này là các khoản vay bằng tiền Việt Nam Đồng nhưng được áp dụng lãi suất cho vay của các khoản vay ngắn hạn bằng tiền Đô-la Mỹ.

### **23. Dự phòng phải trả ngắn hạn**

Biến động của khoản dự phòng bảo hành trong kỳ như sau:

	<b>1/1/2015 đến 30/6/2015 VND</b>	<b>1/1/2014 đến 30/6/2014 VND</b>
Số dư đầu kỳ	6.908.915.025	8.828.683.963
Dự phòng hoàn nhập trong kỳ	(871.351.023)	(1.619.195.890)
Số dư cuối kỳ	<u>6.037.564.002</u>	<u>7.209.488.073</u>

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**24. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	<b>Vốn cổ phần VND</b>	<b>Thặng dư vốn cổ phần VND</b>	<b>Cổ phiếu quỹ VND</b>	<b>Quỹ đầu tư phát triển VND</b>	<b>Lợi nhuận chưa phân phối VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2014</b>	269.878.430.000	62.295.088.755	(14.419.110.657)	77.241.086.359	103.482.528.318	498.478.022.775
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	33.440.679.819	33.440.679.819
Cổ tức	-	-	-	-	(13.312.515.500)	(13.312.515.500)
<b>Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2014</b>	269.878.430.000	62.295.088.755	(14.419.110.657)	77.241.086.359	123.610.692.637	518.606.187.094
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	40.967.908.892	40.967.908.892
Cổ tức	-	-	-	-	(39.937.546.500)	(39.937.546.500)
Phân bổ vào các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	7.440.863.371	(7.440.863.371)	-
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	(8.184.949.708)	(8.184.949.708)
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2014</b>	269.878.430.000	62.295.088.755	(14.419.110.657)	84.681.949.730	109.015.241.950	511.451.599.778
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	47.321.893.695	47.321.893.695
Cổ tức (Thuyết minh 26)						
- Bằng cổ phiếu	39.934.500.000	-	-	-	(39.934.500.000)	-
- Bằng tiền mặt	-	-	-	-	(39.937.563.407)	(39.937.563.407)
<b>Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2015</b>	309.812.930.000	62.295.088.755	(14.419.110.657)	84.681.949.730	76.465.072.238	518.835.930.066

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

## 25. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2015		1/1/2015	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>	30.981.293	309.812.930.000	26.987.843	269.878.430.000
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	30.981.293	309.812.930.000	26.987.843	269.878.430.000
<b>Cổ phiếu quỹ</b>				
Cổ phiếu phổ thông	(362.812)	(14.419.110.657)	(362.812)	(14.419.110.657)
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	30.618.481	306.184.810.000	26.625.031	266.250.310.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Biến động vốn cổ phần trong kỳ như sau:

	1/1/2015 đến 30/6/2015		1/1/2014 đến 30/6/2014	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu kỳ	26.625.031	266.250.310.000	26.625.031	266.250.310.000
Cổ phiếu cổ tức phát hành trong kỳ	3.993.450	39.934.500.000	-	-
Số dư cuối kỳ	30.618.481	306.184.810.000	26.625.031	266.250.310.000

## 26. Cổ tức

Đại hội đồng Cổ đông của Công ty vào ngày 13 tháng 4 năm 2015 đã quyết định phân phối khoản cổ tức bằng cổ phiếu là 39.935 triệu VND (1.500 VND mỗi cổ phiếu) và bằng tiền 39.938 triệu VND (1.500 VND mỗi cổ phiếu).



**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***27. Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển bao gồm quỹ đầu tư và phát triển và quỹ dự phòng tài chính, được trích lập từ lợi nhuận sau thuế từng năm theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Các quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai. Khi quỹ được sử dụng để phát triển kinh doanh, khoản sử dụng được chuyển sang vốn cổ phần.

**28. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán****(a) Tài sản thuê ngoài**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	<b>30/6/2015</b>	<b>1/1/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trong vòng một năm	1.260.309.200	1.609.600.000
Trong vòng hai đến năm năm	477.384.000	452.000.000
	<hr/>	<hr/>
	1.737.693.200	2.061.600.000
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

**(b) Ngoại tệ các loại**

	<b>30/6/2015</b>		<b>1/1/2015</b>	
	<b>Nguyên tệ</b>	<b>Tương đương VND</b>	<b>Nguyên tệ</b>	<b>Tương đương VND</b>
USD	USD1.829.307	39.842.078.241	USD732.891	15.649.008.501
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

**(c) Cam kết chi tiêu vốn**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	<b>30/6/2015</b>	<b>1/1/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	4.679.205.823	7.253.919.595
	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***29. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

**30. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>1/1/2015 đến 30/6/2015 VND</b>	<b>1/1/2014 đến 30/6/2014 VND</b>
Lãi tiền gửi ngân hàng	6.641.419.562	10.004.290.489
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.192.924.371	280.452.359
Lãi chênh lệch tỷ giá thực hiện do đánh giá lại	137.871.395	306.501.396
	<hr/>	<hr/>
	7.972.215.328	10.591.244.244

**31. Chi phí tài chính**

	<b>1/1/2015 đến 30/6/2015 VND</b>	<b>1/1/2014 đến 30/6/2014 VND</b>
Chi phí lãi vay	3.827.915.485	9.709.133.909
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	8.155.814.422	2.997.751.956
Lỗ chênh lệch tỷ giá thực hiện do đánh giá lại	2.844.788.144	3.941.649.010
Chi phí tài chính khác	252.879.521	-
	<hr/>	<hr/>
	15.081.397.572	16.648.534.875

**32. Thu nhập khác**

	<b>1/1/2015 đến 30/6/2015 VND</b>	<b>1/1/2014 đến 30/6/2014 VND</b>
Bán phế liệu	566.742.317	470.229.055
Lãi do thanh lý tài sản cố định hữu hình	562.417.140	-
Thu nhập khác	95.953.442	52.164.732
	<hr/>	<hr/>
	1.225.112.899	522.393.787

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***33. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	<b>1/1/2015 đến 30/6/2015</b>	<b>1/1/2014 đến 30/6/2014</b>
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	704.273.125.940	643.599.944.987
Chi phí nhân công	100.096.614.309	85.714.936.279
Chi phí khấu hao	32.541.294.000	31.471.276.059
Chi phí dịch vụ mua ngoài	60.364.017.871	44.772.183.649
Chi phí khác	111.630.905.901	107.063.043.579

**34. Thuế thu nhập****(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	<b>1/1/2015 đến 30/6/2015 VND</b>	<b>1/1/2014 đến 30/6/2014 VND</b>
<b>Chi phí thuế hiện hành</b>		
Kỳ hiện hành	20.617.143.521	9.360.345.660
Dự phòng thiếu trong những năm trước	1.627.599.046	-
	<hr/>	<hr/>
	22.244.742.567	9.360.345.660
	<hr/>	<hr/>
<b>(Lợi ích)/chi phí thuế thu nhập hoãn lại</b>		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(6.784.400.092)	529.976.917
	<hr/>	<hr/>
Chi phí thuế thu nhập	15.460.342.475	9.890.322.577

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30**  
**tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	<b>1/1/2015 đến 30/6/2015 VND</b>	<b>1/1/2014 đến 30/6/2014 VND</b>
Lợi nhuận trước thuế	62.782.236.170	43.331.002.396
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	13.812.091.957	9.532.820.527
Chi phí không được khấu trừ thuế	20.651.472	357.502.050
Dự phòng thiếu trong những năm trước	1.627.599.046	-
	15.460.342.475	9.890.322.577

**(c) Thuế suất áp dụng**

Theo các điều khoản Luật thuế thu nhập Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 22% trên lợi nhuận tính thuế.

Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 22% cho năm 2014 và 2015, và mức này sẽ giảm xuống 20% từ năm 2016.

**35. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho giai đoạn kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông là 47.321.893.695 VND (2014: 33.440.679.819 VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 30.618.481 (2014: 30.618.481), được tính như sau:

**(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông**

	<b>1/1/2015 đến 30/6/2015 VND</b>	<b>1/1/2014 đến 30/6/2014 VND</b>
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	47.321.893.695	33.440.679.819



**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền**

	<b>1/1/2015 đến 30/6/2015</b>	<b>1/1/2014 đến 30/6/2014 (điều chỉnh lại)</b>
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu kỳ	26.625.031	26.625.031
Ảnh hưởng của số cổ phiếu cổ tức phát hành ngày 2 tháng 6 năm 2015	3.993.450	3.993.450
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông cuối kỳ	<u>30.618.481</u>	<u>30.618.481</u>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>1.546</u>	<u>1.092</u>

### **36. Các công cụ tài chính**

**(a) Quản lý rủi ro tài chính**

**Tổng quan**

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

**(b) Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Công ty nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và các khoản tiền gửi ngân hàng của Công ty.

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***(i) Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng**

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/6/2015 VND</b>	<b>1/1/2015 VND</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	(ii)	183.456.106.664	199.896.515.420
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	(ii)	160.000.000.000	145.000.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	(iii)	115.117.831.062	55.560.405.025
		458.573.937.726	400.456.920.445

**(ii) Tiền và các khoản tương đương tiền và tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn**

Tiền và các khoản tương đương tiền và tiền gửi có kỳ hạn của Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

**(iii) Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác**

Rủi ro tín dụng của Công ty chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, Ban Giám đốc của Công ty đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được đánh giá riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi Công ty đưa ra các điều khoản và điều kiện giao hàng và thanh toán chuẩn cho khách hàng đó. Khoản phải thu đáo hạn trong vòng 30 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn. Khách hàng có số dư phải thu vượt quá 30 ngày được yêu cầu phải thanh toán số dư này trước khi được tiếp tục mua trả chậm. Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào từ các khách hàng.

Tuổi nợ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác tại thời điểm cuối kỳ như sau:

	<b>30/6/2015</b>		<b>1/1/2015</b>	
	<b>Giá trị gộp VND</b>	<b>Dự phòng phải thu khó đòi VND</b>	<b>Giá trị gộp VND</b>	<b>Dự phòng phải thu khó đòi VND</b>
Trong hạn	69.639.984.094	-	34.040.192.166	-
Quá hạn từ 0 – 30 ngày	34.022.259.587	-	-	-
Quá hạn từ 31 – 180 ngày	9.614.613.746	-	21.351.723.985	-
Quá hạn trên 180 ngày	4.621.857.145	(2.780.883.510)	2.209.978.992	(2.041.490.118)
	117.898.714.572	(2.780.883.510)	57.601.895.143	(2.041.490.118)

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30**  
**tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Biến động trong kỳ của dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	<b>1/1/2015 đến 30/6/2015 VND</b>	<b>1/1/2014 đến 30/6/2014 VND</b>
Số dư đầu kỳ	2.041.490.118	2.306.548.238
Tăng dự phòng trong kỳ	739.393.392	58.314.083
Hoàn nhập	-	(472.424.846)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>2.780.883.510</b>	<b>1.892.437.475</b>

**(c) Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

Các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

**30/6/2015**

	<b>Giá trị ghi sổ VND</b>	<b>Dòng tiền theo hợp đồng VND</b>	<b>Trong vòng 1 năm VND</b>	<b>1 – 2 năm VND</b>
Phải trả người bán và phải trả khác	287.215.784.994	287.215.784.994	287.215.784.994	-
Vay ngắn hạn	454.545.470.651	455.946.516.480	455.946.516.480	-
Phải trả dài hạn khác	4.123.000.000	4.123.000.000	-	4.123.000.000
	<b>745.884.255.645</b>	<b>747.285.301.474</b>	<b>743.162.301.474</b>	<b>4.123.000.000</b>

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30**  
**tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

1/1/2015

	<b>Giá trị ghi sổ VND</b>	<b>Dòng tiền theo hợp đồng VND</b>	<b>Trong vòng 1 năm VND</b>	<b>1 – 2 năm VND</b>
Phải trả người bán và phải trả khác	210.081.935.074	210.081.935.074	210.081.935.074	-
Vay ngắn hạn	487.353.040.594	488.903.835.377	488.903.835.377	-
Phải trả dài hạn khác	4.123.000.000	4.123.000.000	-	4.123.000.000
	<b>701.557.975.668</b>	<b>703.108.770.451</b>	<b>698.985.770.451</b>	<b>4.123.000.000</b>

Phải trả người bán và phải trả khác bao gồm khoản phải trả người bán, phải trả người lao động, chi phí phải trả và phải trả khác.

Công ty quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư khoản tiền thặng dư vào các khoản đầu tư ngắn hạn và duy trì một số hạn mức tín dụng vay ngân hàng.

**(d) Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến thu nhập của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

**(i) Rủi ro tỷ giá hối đoái**

Công ty có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch mua, bán và đi vay bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ của Công ty (VND). Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là Đô la Mỹ (USD).

Rủi ro tỷ giá hối đoái của Công ty được quản lý bằng cách giữ mức rủi ro ở mức có thể chấp nhận được thông qua mua hoặc bán ngoại tệ ở tỷ giá giao ngay khi cần thiết để xử lý việc mức rủi ro tỷ giá hối đoái ngắn hạn vượt mức cho phép.



**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

*Ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái*

Công ty có các khoản nợ phải trả tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái như sau:

	<b>30/6/2015</b>	<b>1/1/2015</b>
	<b>USD</b>	<b>USD</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.829.307	732.891
Phải thu khách hàng và phải thu khác	2.111.388	916.667
Phải trả người bán và phải trả khác	(889.044)	(1.395.537)
Vay ngắn hạn	(20.812.522)	(20.496.674)
	<hr/>	<hr/>
	(17.760.871)	(20.242.653)
	<hr/>	<hr/>

Sau đây là những tỷ giá ngoại tệ chính được Công ty áp dụng:

	<b>Tỷ giá tại ngày</b>			
	<b>30/6/2015</b>	<b>30/6/2015</b>	<b>1/1/2015</b>	<b>1/1/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
	<b>Tỷ giá mua</b>	<b>Tỷ giá bán</b>	<b>Tỷ giá mua</b>	<b>Tỷ giá bán</b>
USD	21.780	21.840	21.353	21.405
	<hr/> <hr/>			

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận thuần của Công ty, sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường tại ngày báo cáo. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất, và bỏ qua ảnh hưởng của các dự báo bán hàng và mua sắm:

	<b>Ảnh hưởng đối với lợi nhuận thuần VND</b>
<b>Ngày 30 tháng 6 năm 2015</b>	
USD (mạnh thêm 2% đối với VND)	(6.054.888.284)
<b>Ngày 1 tháng 1 năm 2015</b>	
USD (mạnh thêm 1,34% đối với VND)	(4.517.786.794)
	<hr/> <hr/>

Biến động ngược lại của tỷ giá các đồng tiền có thể có cùng mức độ tác động nhưng ngược chiều đối với lợi nhuận thuần của Công ty.

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30**  
**tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(ii) Rủi ro lãi suất**

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Công ty như sau:

	<b>30/6/2015</b>	<b>1/1/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Các công cụ tài chính có lãi suất cố định</b>		
Tài sản tài chính		
Tiền gửi ngân hàng	138.456.106.664	159.896.515.420
Các khoản tương đương tiền	45.000.000.000	40.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn	160.000.000.000	145.000.000.000
	343.456.106.664	344.896.515.420
<b>Các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi</b>		
Nợ phải trả tài chính		
Vay ngắn hạn	(454.545.470.651)	(487.353.040.594)
	(454.545.470.651)	(487.353.040.594)

Mỗi thay đổi 100 điểm cơ bản trong lãi suất sẽ giảm 866 triệu VND lợi nhuận thuần của Công ty (2014: 1.111 triệu VND). Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là tỷ giá hối đoái.

**37. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong kỳ Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>1/1/2015 đến</b>	<b>1/1/2014 đến</b>
	<b>30/6/2015</b>	<b>30/6/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Các cổ đông</b>		
Trả cổ tức	79.872.063.407	-
<b>Các bên liên quan</b>		
Mua vật liệu	11.356.430.566	13.598.295.411
<b>Thành viên Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát và Hội đồng Quản trị</b>		
Lương và thù lao	2.741.160.910	2.929.840.785
	2.741.160.910	2.929.840.785

**Công ty Cổ phần Pin Ấc quy Miền Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**38. Các hoạt động đầu tư phi tiền tệ**

	1/1/2015 đến 30/6/2015 VND	1/1/2014 đến 30/6/2014 VND
Góp vốn vào Việt Gia Phú bằng tiền vay từ Công ty TNHH Đầu tư Kinh doanh và Du lịch Hiệp Phúc	-	3.600.000.000

**39. Số liệu so sánh**

Như đã trình bày trong Thuyết minh 3, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 Công ty áp dụng Thông tư 200. Do việc thay đổi chính sách kế toán này, việc trình bày một số khoản mục báo cáo tài chính có thay đổi. Một số số liệu so sánh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được phân loại lại để phù hợp với quy định trong Thông tư 200 về trình bày báo cáo tài chính. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong năm trước, trước và sau khi được phân loại lại như sau:

**Bảng cân đối kế toán**

	1/1/2015 (phân loại lại) VND	1/1/2015 (theo báo cáo trước đây) VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	145.000.000.000	-
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	145.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	5.164.971.757	5.228.054.931
Tài sản thiếu chờ xử lý	63.083.174	-
Hàng tồn kho	424.239.967.169	451.700.848.048
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	27.460.880.879	-

Ngày 10 tháng 8 năm 2015

Người lập:



Nguyễn Thị Ngọc Ánh  
 Phó phòng Kế toán – Tài chính

Người duyệt:



Nguyễn Duy Hưng  
 Kế toán trưởng



Trần Thanh Văn  
 Tổng Giám đốc